

TÀI LIỆU KỶ HỌP

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 402 /BC-UBND

Bến Tre, ngày 07 tháng 11 năm 2017

BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 08/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Nghị quyết số 08/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác cát lòng sông đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bến Tre, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công tác triển khai thực hiện trong năm 2017 như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác ban hành văn bản quản lý và tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản

Căn cứ Luật Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật khoáng sản, Chỉ thị 03/CT-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thi hành chính sách pháp luật về khoáng sản, Thông báo 357/TB-VPCP ngày 06 tháng 11 năm 2015 của Văn phòng Chính phủ “về kết luận của Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc – Trưởng Ban chỉ đạo 138/CP tại Hội nghị về phòng, chống vi phạm pháp luật về khai thác cát sỏi trên sông và cửa biển”, trên cơ sở tình hình thực tế của địa phương, trong năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre đã xây dựng Kế hoạch số 1895/KH-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2015 về việc Triển khai Chỉ thị 03/CT-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thi hành chính sách pháp luật về khoáng sản, Kế hoạch số 3304/KH-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2015 về việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị Quyết số 08/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2014, Kế hoạch số 6798/KH-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2015 thực hiện về phòng chống vi phạm pháp luật trong hoạt động khai thác cát trên sông và cửa biển trên địa bàn tỉnh Bến Tre, Quyết định số 638/QĐ-UBND Ngày 17 tháng 4 năm 2015 về việc phê duyệt khu vực khoanh định không đấu giá quyền khai thác khoáng sản cát lòng sông trên địa bàn tỉnh Bến Tre, Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2017 về việc ban hành quy chế phối hợp quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo tổ chức nhiều hội nghị triển khai Luật khoáng sản năm 2010 và các quy định dưới luật, Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh; 01 hội nghị triển khai công tác tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cát lòng sông đến các sở, ban, ngành, đoàn thể và trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân các cấp nắm được các quy định mới của Luật nhằm tiếp tục tuyên truyền phổ biến rộng rãi pháp luật của Nhà nước về khoáng sản và phục vụ công tác quản lý tài nguyên khoáng tại địa bàn quản lý.

Trong thời gian qua, công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Khoáng sản và các văn bản dưới luật được triển khai, phổ biến sâu rộng đến tận các địa phương, các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản và quần chúng nhân dân bằng nhiều hình thức: Trang Web Sở Tài nguyên và Môi trường, Đài phát thanh truyền hình, báo Đồng Khởi... Bên cạnh đó, hàng năm Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức mở các lớp hội nghị triển khai văn bản về Luật Khoáng sản và các văn bản dưới luật đến cán bộ làm công tác quản lý của các huyện, thành phố, cán bộ địa chính các xã phường, thị trấn.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành lập danh sách các doanh nghiệp, các hợp tác xã đã được cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản cát lòng sông và đăng trên website của Sở, yêu cầu các đơn vị hoạt động khai thác lập biển báo công khai các thông tin khai thác tại khu vực mỏ khai thác để nhân dân theo dõi, tham gia giám sát. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản để người dân được am hiểu và phối hợp giám sát thực hiện việc quản lý tài nguyên khoáng sản tại địa phương

2. Công tác cấp phép hoạt động khoáng sản

2.1. Công tác tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2015 phê duyệt khu vực khoanh định đấu giá quyền khai thác khoáng sản cát lòng sông trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã cho chủ trương đưa 04 khu vực mỏ vào hoạt động khai thác và đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường lấy ý kiến cộng đồng về việc đưa 04 khu vực mỏ đồng thời đang xây dựng quy chế đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Nghị định số 22/NĐ-CP.

2.2. Công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản

- Việc cấp phép hoạt động khoáng sản cho các đơn vị khai thác cát lòng sông trên địa bàn tỉnh trong những năm qua được thực hiện theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt, tuân thủ theo Luật Khoáng sản và các hướng dẫn về việc cấp phép hoạt động khoáng sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Công tác tiếp nhận hồ sơ: các đơn vị hoạt động khai thác nộp hồ sơ tại bộ phận một cửa của cơ quan theo đúng theo hệ thống ISO và thủ tục hành chính. Quá trình thẩm định hồ sơ đều tuân thủ theo Luật Khoáng sản, quy hoạch của tỉnh, các văn bản hướng dẫn của Bộ tài nguyên và Môi trường

- Trong năm 2017, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản đối với 02 mỏ hết thời hạn khai thác, gồm mỏ cát của các đơn vị: DNTN Dũng Hương, DNTN Hiếu Thảo. Trong năm, Ủy ban nhân dân tỉnh không có cấp phép khai thác mỏ cát cho các đơn vị.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh còn 06 giấy phép khai thác cát sông còn hiệu lực (*Bảng Phụ lục kèm theo*).

3. Công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản

Đối với các mỏ được cho phép khai thác, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra định kỳ 2lần/năm. Qua kiểm tra hoạt động khai thác của các doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác cát đã cơ bản tuân thủ đúng quy định theo giấy phép đã đăng ký tại Sở Tài nguyên và Môi trường, trong quá trình khai thác đảm bảo an toàn lao động, thực hiện các chế độ báo cáo về sản lượng khai thác, kế hoạch khai thác, báo cáo giám sát môi trường, lập bản đồ hiện trạng địa hình đáy sông theo đúng quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh do Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì gồm: Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, Cảnh sát đường thủy và các ngành liên quan, nhằm kiểm tra xử lý nhanh, kịp thời đối với các trường hợp khai thác cát trái phép. Đến nay, các huyện, thành phố đều đã thành lập và kiện toàn Đoàn kiểm tra lĩnh vực khai thác khoáng sản trên địa bàn từng huyện, thành phố. Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra, thanh tra theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất theo phản ánh của nhân dân.

4. Công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác

Thực hiện các biện pháp về bảo vệ môi trường, bảo vệ khoáng sản các khu vực chưa khai thác, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành bàn giao các tài liệu và vị trí các mỏ cát ngoài thực địa cho các huyện cùng tham gia trong quá trình quản lý. Thời gian qua, các huyện xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra và thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra các hoạt động khai thác cát thuộc địa bàn huyện quản lý, xây dựng quy chế quản lý giữa chính quyền và sự tham gia giám sát của tổ chức và nhân dân trong khu vực có mỏ cát. Bên cạnh đó, Sở Tài nguyên và Môi trường Bến Tre đã phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh Trà Vinh, Vĩnh Long, Tiền Giang trao đổi, thống nhất trong công tác quản lý về khai thác khoáng sản cát lòng sông, thông báo về những khu vực đã được cấp phép khai thác, các khu vực dự trữ và phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, thống nhất các biện pháp xử lý phương tiện khai thác cát trái phép.

Các ngành chức năng, các địa phương công bố số điện thoại đường dây nóng để tổ chức, cá nhân biết, phản ánh mọi thông tin về tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn; tổ chức nhiều đợt kiểm tra, xử phạt hành chính đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm.

5. Công tác rà soát các khu vực mỏ theo quy hoạch (Bảng Phụ lục kèm theo):

5.1. Các khu vực được quy hoạch thăm dò, khai thác giai đoạn 2014-2015.

Gồm 02 khu vực nằm về phía hạ nguồn của các nhánh sông Hàm Luông và sông Cổ Chiên, hiện nay chưa đánh giá trữ lượng cấp 122 để đưa vào đấu giá khai thác. Với tổng diện tích và trữ lượng dự báo cấp 333 vào khoảng 368 ha và gần 10 triệu m³.

5.2. Khu vực quy hoạch thăm dò và khai thác cát giai đoạn từ 2016- 2020

Giai đoạn này có 4 vùng được quy hoạch trong đó sông Tiền 02 khu vực, sông Hàm Luông 02 khu vực với tổng diện tích và trữ lượng dựa báo vào khoảng 450ha và 14 triệu m³. Hiện nay 04 khu vực này chưa đưa vào khai thác.

5.3. Khu vực thuộc vùng quy hoạch dự trữ

Khu vực dự trữ gồm 19 khu vực, trong đó: sông Ba Lai 03 khu vực; Sông Tiền 04; Sông Hàm Luông 05 và Sông Cổ Chiên 07 khu vực.

6. Thuận lợi và khó khăn

6.1. Thuận lợi:

Công tác quản lý nhà nước về khoáng sản đã được tăng cường và từng bước đi vào nề nếp, việc bảo vệ tài nguyên khoáng sản đã được các cấp ủy Đảng, các ngành, các cấp quan tâm; Các chính sách về tài chính trong lĩnh vực hoạt động khoáng sản được thực hiện đảm bảo như chính sách về thuế tài nguyên, phí và lệ phí.

Công tác quản lý cấp phép, sau giấy phép khai thác khoáng sản đối với các tổ chức, doanh nghiệp khai thác cát lòng sông trên địa bàn tỉnh được tuân thủ theo qui hoạch và pháp luật về khoáng sản. Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương đã cụ thể hóa các chủ trương, chính sách pháp luật về khoáng sản phù hợp với thực tiễn công tác quản lý tại địa phương.

Công tác thanh tra, kiểm tra việc khai thác khoáng sản cát lòng sông trong thời gian gần đây đã được tăng cường, việc thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh, huyện nhằm kiểm tra xử lý nhanh, kịp thời đối với các trường hợp khai thác cát trái phép đã mang lại hiệu quả nhất định.

6.2. Khó khăn:

Công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp chính quyền chưa được chặt chẽ, công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật chưa đa dạng;

Thời gian hoạt động của các đối tượng khai thác cát trái phép chủ yếu diễn ra vào ban đêm. Đa số các đối tượng này hoạt động có mạng lưới, bố trí lực lượng theo dõi để liên lạc thông tin cho nhau nhằm tránh né lực lượng kiểm tra. Bên cạnh đó, trong số các đối tượng hành nghề khai thác cát có một bộ phận người có thu nhập thấp, nhận thức về pháp luật chưa cao; Phương tiện kiểm tra được thuê mướn trong nhân dân nên hạn chế về công suất và không chủ động được thời gian, khó thuê phương tiện vì chủ phương tiện thường bị các đối tượng khai thác cát trái phép gây rối, hăm dọa trả thù.

Công tác xử lý vi phạm hành chính lĩnh vực khoáng sản gặp không ít khó khăn và nguy hiểm do các đối tượng vi phạm hành chính này cố tình chống đối, đối phó với lực lượng kiểm tra ngày càng tinh vi; Việc bắt quả tang để củng cố chứng cứ các hành vi vi phạm trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, các cán bộ tham gia trực tiếp phải làm việc vào ban đêm,... nhưng chế độ hỗ trợ công tác ngoài giờ chưa phù hợp với thực tế công tác hiện tại.

Việc chấp hành pháp luật về khoáng sản, bảo vệ môi trường, an toàn lao động, an toàn giao thông về đường thủy của các đơn vị được cấp phép khai thác chưa được các đơn vị quan tâm đúng mức. Một số doanh nghiệp, hợp tác xã chưa đưa mỏ vào khai thác, chưa chấp hành nghiêm theo quy định, chưa thực hiện đầy đủ theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chưa thực hiện việc ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường.

II. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

Hiện nay, sự khan hiếm về vật liệu san lấp đã đình trệ một số công trình trọng điểm, hiện tượng khai thác cát trái phép ngày càng gia tăng do nhu cầu sử dụng trong khi lực lượng Công an không đủ để triển khai kiểm tra, thanh tra, truy bắt. Do đó, nhằm đảm bảo nguồn vật liệu san lấp phục vụ các công trình trọng yếu của tỉnh trong giai đoạn từ nay đến 2020 (*trong khi chưa có nguồn vật liệu nào thay thế*); hạn chế việc khai thác cát trái phép; tránh thất thoát nguồn tài nguyên và có thời gian để người dân chuyển đổi nghề “bom cát” sang các nghề khác, Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị sau:

- Rà soát đưa các khu vực có phân kỳ khai thác từ nay đến 2020 trong Quy hoạch vào thăm dò, đánh giá trữ lượng đưa vào khai thác theo đúng quy định nhằm “hạ nhiệt” về nhu cầu cát của tỉnh gồm 02 khu vực giai đoạn 2014-2015; 04 khu vực giai đoạn 2016-2020. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh Ủy, Ủy ban nhân dân đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát và lấy ý kiến cộng đồng đối với 04 khu vực để lập thủ tục thực hiện thăm dò, đánh giá trữ lượng theo phương thức sử dụng ngân sách nhà nước làm cơ sở cho việc đấu giá quyền khai thác (*Khu vực sông Hàm Luông thuộc xã An Đức - Mỹ An; Sông tiền xã Quới Sơn, huyện Châu Thành; sông Hàm Luông thuộc xã Tam Hiệp-An Ngãi Tây, huyện Ba Tri; sông Cổ chiên xã Cẩm Sơn, huyện Mỏ Cà Nam*)

- Với điều kiện, hình thành tích tụ mỏ cát thay đổi theo thời gian, chịu tác động của dòng chảy và điều kiện địa hình đáy. Do đó, cần tổng kiểm kê đánh giá trữ lượng các mỏ đã hết hạn khai thác, kể cả các mỏ đã đóng cửa mỏ, nếu đảm bảo về trữ lượng, môi trường, đảm bảo pháp luật đưa vào khai thác theo luật định.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

Nhằm đạt kết quả khả quan trong việc thực thi Luật Khoáng sản, Nghị quyết 08/2014/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra phương hướng, nhiệm vụ cũng như chỉ đạo các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện nghiêm túc và tích cực triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong thời gian tới như sau:

- Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 08/2014/NQ-HĐND điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác cát lòng sông đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bến Tre và thực hiện Quyết định 27/2017/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 5 năm 2017 đến các địa phương; Rà soát, đánh giá hiện trạng khai thác tại các mỏ, phân kỳ quy hoạch và nhu cầu thực tế để tham mưu điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cho phù hợp.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong nhân dân về nội dung quy hoạch và những tác động của việc khai thác cát sông trái

phép, với nhiều hình thức tuyên truyền để đảm bảo thực hiện cùng tham gia giám sát của nhân dân trong công tác quản lý, khai thác của các đơn vị được cấp phép khai thác trên địa bàn của tỉnh.

- Chỉ đạo các sở ngành các cấp triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị 03/CT-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Công an tỉnh, Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác, vận chuyển cát lòng sông, kiên quyết xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, tăng cường công tác bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng sản cát lòng sông, xây dựng chương trình, kế hoạch bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng sản, đặc biệt là các địa phương nơi có khai thác khoáng, công khai đường dây nóng để nhận thông tin phản ánh của nhân dân và phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý các trường hợp khai thác cát trái phép.

- Thực hiện tốt công tác quản lý đối với các đơn vị khai thác, các doanh nghiệp, các hợp tác xã khai thác cát phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về khoáng sản, về số phương tiện khai thác, sản lượng khai thác, vị trí khai thác theo giấy phép đã được cấp và thực hiện đầy đủ các chế độ giám sát về môi trường, theo đúng nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Nghiên cứu xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, các văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định của nhà nước về quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản và quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường và bảo đảm trật tự - xã hội trong hoạt động khai thác khoáng sản.

- Phối hợp với các tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh, Tiền Giang thống nhất những nội dung, những quan điểm chỉ đạo về công tác quản lý về khoáng sản cát lòng sông, tăng cường trong công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động khoáng sản khu vực giáp ranh, kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về khoáng sản.

- Đối với các địa phương thường xuyên xảy ra hoạt động khai thác cát trái phép thì Ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thành lập đoàn kiểm tra liên ngành, bố trí lực lượng kiểm tra, bến bãi tạm giữ phương tiện và xử lý triệt để các trường hợp vi phạm. Đối với các khu vực tình hình khai thác cát trái phép diễn biến phức tạp, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Công an tỉnh và Đoàn công tác liên ngành tăng cường, sử dụng biện pháp nghiêm vụ để kiểm tra, tạm giữ phương tiện vi phạm, phối hợp với ngành chức năng xử lý nhằm ổn định tình hình nếu có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng thì áp dụng biện pháp tịch thu phương tiện vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo Sở Giao thông vận tải, Công an tỉnh tăng cường thanh tra giao thông đối với các phương tiện không số; chủ trì phối hợp UBND các huyện rà soát thống kê các phương tiện, thông báo đến các chủ phương tiện và tổ chức đăng

ký, đăng kiểm theo quy định nhằm quản lý tốt việc hành nghề vận chuyển, khai thác cát.

- Chi cục Quản lý thị trường chủ trì phối hợp với Cục Thuế, Sở Xây dựng tiếp tục kiểm tra hoạt động kinh doanh cát sông trên địa bàn tỉnh và thường xuyên báo cáo kết quả kiểm tra về Ủy ban nhân dân tỉnh để kịp thời chỉ đạo.

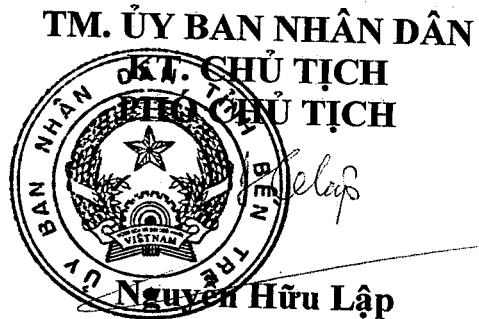
- Liên minh Hợp tác xã có giải pháp cụ thể nhằm tăng cường củng cố các hợp tác xã khai thác cát, tư vấn hỗ trợ các hợp tác xã nâng cao chất lượng hoạt động đúng theo quy định Luật Hợp tác xã và các pháp luật trong khai thác khoáng sản, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông thủy trong khai thác.

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thống kê các hộ dân hành nghề khai thác cát và có biện pháp quản lý chặt chẽ, động viên tham gia vào hợp tác xã hoặc có biện pháp hỗ trợ các chủ phương tiện chuyển đổi ngành nghề, kiên quyết không để tiếp tục hành nghề khai thác cát trái phép.

Trên đây là nội dung báo cáo công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trong thời gian qua và việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 08/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xin báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- NC: TH, KT; TT TTĐT;
- Lưu VT, TNMT.



**PHỤ LỤC****1. Các giấy phép khai thác mỏ còn hiệu lực**

STT	Đơn vị	Vị trí	thời hạn	Diện tích (ha)	Công suất khai thác (1.000m ³)	Hiện trạng
1	Công ty cổ phần VLXD Bến Tre	Sông Cỏ Chiên, xã Hoà Nghĩa, Sơn Định (Chợ Lách)	12/2018	80	300	
2	Công ty cổ phần VLXD Bến Tre	Sông Hàm Luông Tiên thủy, An Hiệp (Châu Thành)	12/2018	61,3	200	
3	HTX Khai thác cát huyện Bình Đại	Sông Cửa Đại, xã Bình Thắng huyện Bình Đại	12/2017	98	400	
4	Công ty cổ phần VLXD Bến Tre	Vĩnh Bình, huyện Chợ Lách	04/2018	66,4	450	tạm ngưng do điều tiết được phương tiện khai thác
5	Hợp tác xã Thương mại-Dịch vụ Đại Bắc	sông Hàm Luông, thuộc xã Sơn Phú, xã Hưng Phong, huyện Giồng Trôm và xã Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	11/2017	26,73	200	
6	Công ty CP Đầu tư Bảy Bảy Chính	sông Hàm Luông, thuộc xã Thạnh Phú Đông, Giồng Trôm	13.6.2019	66,22	300	Chưa đưa vào khai thác do dân tại khu mỏ chưa đồng thuận

2. Các khu vực được quy hoạch thăm dò, khai thác giai đoạn 2014- 2015

STT	Vùng quy hoạch	Ký hiệu trên bản đồ	Diện tích (ha)	Trữ lượng tài nguyên 333 (m ³)
Sông Hàm Luông				
1	Khu vực: thuộc xã An Đức (Ba Tri), Mỹ An (Thạnh Phú)	HL.9d	189,83	5.505.259
Sông Cổ Chiên				
1	Khu vực thuộc các xã Hòa Lợi, Bình Thạnh, (Thạnh Phú)	CC.9b	178,21	4.401.720

2. Khu vực quy hoạch thăm dò và khai thác cát giai đoạn từ 2016- 2020

STT	Vùng quy hoạch	Ký hiệu trên bản đồ	Diện tích (ha)	Trữ lượng tài nguyên 333 (m ³)
Sông Tiền				
1	Khu vực xã Phú Đức (Châu Thành)	ST.4a	99,05	3.169.830
2	Khu vực xã Quới Sơn (Châu Thành)	ST.6a	72,71	1.745.184
Sông Hàm Luông				
3	Khu vực xã Hưng Phong, Phước Long (Giồng Trôm).	HL.6d	56,174	2.275.051
4	Khu vực xã Bình Khánh Đông, Tân Trung, Minh Đức (Mỏ Cày Nam), xã Thạnh Phú Đông (Giồng Trôm)	HL.7b	222,05	7.238.915

3. Khu vực thuộc vùng quy hoạch dự trữ

STT	Vùng quy hoạch	Ký hiệu trên bản đồ	Diện tích (ha)	Trữ lượng tài nguyên 333 (m ³)
Sông Tiền				
1	Tây Bắc cù lao Tào, Giao Hòa (Châu Thành), xã Tam Hiệp (Bình Đại)	ST.6c	213,31	5.162.216
2	Khu vực Vang Quới Tây, Vang Quới Đông (Bình Đại)	ST.7a	328,51	6.274.694
3	Khu vực Sơn Định, Thị trấn Chợ Lách (Chợ Lách)	ST.3a	131,89	5.143.866
4	Khu vực Đông bắc cù lao Tào, Tam Hiệp (Bình Đại)	ST.6e	25,45	1.389.990

Sông Hàm Luông				
1	Khu vực Tân Phú (Châu Thành) và xã Hoà Nghĩa (Chợ Lách)	HL.2a	40,117	1.789.236
2	Khu vực xã Sơn Phú, Hưng Phong, Thạnh Phú Đông (Giồng Trôm)	HL.6c	30,422	927.898
3	Khu vực xã An Hiệp (Ba Tri)	HL.9b	578,37	20.821.572
4	Khu vực xã An Hòa Tây, xã An Thủy (Ba Tri), xã Mỹ An, xã An Điền (Thạnh Phú)	HL.9e	148,5	7.499.275
5	Khu vực Sơn Hòa (Châu Thành), Mỹ Thành (thành phố Bến Tre) và xã Thanh Tân (Mỏ Cày Bắc)	HL.3e	84	5.555.814
Sông Cổ Chiên				
1	Khu vực xã Thành Thới A (huyện Mỏ Cày Nam)	CC.6c	32,65	1.698.034
2	Khu vực xã Thành Thới A, Cẩm Sơn (Mỏ Cày Nam)	CC.6e	291,151	10.627.026
3	Khu vực xã Hòa Lợi (Thạnh Phú)	CC.9a	193,2	2.956.075
4	Khu vực xã Bình Thạnh, xã An Thuận, xã An Qui (Thạnh Phú)	CC.9c	472,35	16.532.261
5	Khu vực xã Sơn Định (Chợ Lách)	CC.3a	86,98	4.479.676
6	Khu vực Nhuận Phú Tân (Mỏ Cày Bắc)	CC.4c	16	347.683
7	Khu vực Nhuận Phú Tân, Khánh Thạnh Tân (Mỏ Cày Bắc), Thành Thới B (Mỏ Cày Nam)	CC.4e	164	6.724.864
Sông Ba Lai				
1	Khu vực sông Ba Lai, xã Phong Năm (Giồng Trôm), xã Long Hòa (Bình Đại)	BL.1	15,85	765.700
2	Khu vực Phong Mỹ, Châu Hòa (Giồng Trôm), Châu Hưng, Thới Lai (Bình Đại)	BL.3	54,72	3.266.545
3	Khu vực Châu Hòa, Châu Bình, (Giồng Trôm) xã Tân Mỹ (Ba Tri) và xã Thới Lai, Lộc Thuận, Phú Long (Bình Đại)	BL.5	158,35	6.650.700